

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST

Ngày 14 – 8 - 2025

V/v trA chấp ly hôn

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 về trA chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thái Trinh N, sinh năm: 2002; địa chỉ: Ấp TTA, xã ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Thế A, sinh năm: 1989; địa chỉ: Ấp CL, xã TP, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Thái Trinh N trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị Thái Trinh N và anh Trịnh Thế A chung sống vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh Thế A bỏ nhà đi, anh chị ly thân vào tháng 02/2025 cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn anh Thế A.

- Về con chung: Trịnh Gia B (nam), sinh ngày 12/8/2022. Khi ly hôn chị N yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Không có.

**** Bị đơn anh Trịnh Thế A:*** Không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trịnh Thế A đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Thái Trinh N và anh Trịnh Thế A kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện ĐD vào ngày 26/01/2021 đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị N có yêu cầu ly hôn, anh Thế A không có ý kiến. Do đó, cho thấy trong quá trình chung sống giữa A chị đã xảy ra mâu thuẫn, quan hệ hôn nhân đã không còn tồn tại, nếu tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn anh Thế A.

[3] Về con chung: Xét thấy hiện nay con chung của anh chị đang do chị N nuôi dưỡng ổn định, anh Thế A không có ý kiến, hiện nay cháu Gia B cũng chỉ hơn ba tuổi nên cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn để đảm bảo cho sự phát triển bình thường và quyền lợi mọi mặt của trẻ nhỏ. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Gia B cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng: Chị N không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị N xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Trinh N, cho chị Thái Trinh N được ly hôn anh Trịnh Thế A.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Trịnh Gia B (nam), sinh ngày 12/8/2022 cho chị Thái Trinh N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Trịnh Thế A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

3.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thái Trinh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0000267 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau); chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Thế A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng TT, KT và THATAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã TP;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Biện Thị Nhung

